

THỰC TRẠNG CƠ SỞ, NGÀNH ĐÀO TẠO KỸ SƯ LÂM NGHIỆP VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO KỸ SƯ LÂM NGHIỆP VIỆT NAM

• ThS. NGUYỄN XUÂN BẢO

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Tổng quan về ngành Lâm nghiệp Việt Nam

Việt Nam có tổng diện tích tự nhiên là 33,12 triệu ha, trong đó 12,61 triệu ha diện tích có rừng và 6,16 triệu ha đất trống đồi núi trọc là đối tượng của sản xuất lâm nông nghiệp. Như vậy, ngành Lâm nghiệp đã và đang thực hiện hoạt động quản lý và sản xuất trên diện tích đất lớn nhất trong các ngành kinh tế quốc dân. Diện tích đất lâm nghiệp phân bố chủ yếu trên các vùng đồi núi của cả nước. Đây cũng là nơi sinh sống của 25 triệu người với nhiều dân tộc thiểu số có trình độ dân trí thấp, phương thức canh tác lạc hậu, kinh tế chậm phát triển và đời sống còn nhiều khó khăn. Đây là một trong những ngành đặc biệt khó khăn gắn với người dân sống ở miền núi, xa xôi, đời sống thấp, vì vậy khó thu hút được người đi học và lao động kỹ thuật có trình độ chuyên môn và tay nghề cao.

Nghề rừng không những tạo ra các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ đóng góp cho nền kinh tế quốc dân mà còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ môi trường như phòng hộ đầu nguồn, giữ đất, giữ nước, điều hòa khí hậu..., góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt đối với bảo vệ biên giới, hải đảo; góp phần quan trọng trong việc cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo cho người dân nông thôn và miền núi.

Mục tiêu của Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp Việt Nam 2006-2011 là: Thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất được quy hoạch cho lâm nghiệp; nâng tỉ lệ đất có rừng lên 42 - 43% vào năm 2010 và 47% vào năm 2020; đảm bảo có sự tham gia rộng rãi hơn của các thành phần kinh tế và tổ chức xã hội vào các hoạt động lâm nghiệp nhằm đóng góp ngày càng tăng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường, xóa đói giảm nghèo,

nâng cao mức sống cho người dân nông thôn miền núi và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng.

Trước yêu cầu to lớn của việc phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật nhằm thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp, thì giáo dục đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng giữ một vai trò quan trọng. Để đáp ứng việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế lâm nghiệp, công tác đào tạo nhân lực kỹ thuật lâm nghiệp cần phải được đẩy mạnh cả về số lượng và chất lượng; cơ cấu ngành nghề phải phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, người sử dụng lao động của ngành Lâm nghiệp như: các tổng công ty, công ty; nông, lâm trường; nhà máy, xí nghiệp; các hợp tác xã; chủ trang trại; hộ gia đình.

2. Thực trạng cơ sở và ngành đào tạo kỹ sư lâm nghiệp ở Việt Nam

2.1. Các cơ sở đào tạo kỹ sư lâm nghiệp ở Việt Nam

Hiện nay, ở Việt Nam có 7 cơ sở đào tạo kỹ sư lâm nghiệp (KSLN) (xem bảng 1) với 15 ngành học, trong đó Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam là trường đào tạo hàng đầu về số lượng ngành học cũng như qui mô tuyển sinh. Các trường đại học khác phần lớn là mới đào tạo hoặc đào tạo KSLN chỉ là một khoa trong trường đại học đa ngành.

2.2. Các ngành đào tạo kỹ sư lâm nghiệp ở Việt Nam

Hiện nay, 7 cơ sở đào tạo KSLN đang đào tạo 15 ngành học, tuyển sinh từ khối A, B (xem bảng 2)

Tại Quyết định số 38/2009/QĐ-TTg ngày 9/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân, ban hành kèm theo Quyết định này Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân quy định:

Bảng 1: Các cơ sở đào tạo kĩ sư lâm nghiệp ở Việt Nam

TT	Tên trường đại học	Địa chỉ	Số lượng ngành đào tạo KSLN	Đơn vị chủ quản
1	Đại học Lâm nghiệp Việt Nam	- Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ - TP Hà Nội. - Cơ sở 2: Trị trấn Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	15	Bộ Nông nghiệp và PTNT
2	Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Phường Mỏ Bạch, TP. Thái Nguyên	4	Đại học Thái Nguyên
3	Đại học Tây Bắc	Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	3	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	Đại học Hồng Đức	Thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	1	UBND tỉnh Thanh Hoá
5	Đại học Nông Lâm Huế	102 Phùng Hưng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế	5	Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Đại học Tây Nguyên	567 đường Lê Duẩn- Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lak	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo
7	Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh	Phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	2	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bảng 2: Các ngành học đang được đào tạo tại 7 cơ sở đào tạo KSLN

TT	Ngành học	Mã ngành	Khối thi
1	Chế biến lâm sản	101	A
2	Thiết kế chế tạo sản phẩm mộc & nội thất	104	A
3	Cơ giới hoá lâm nghiệp	103	A
4	Công thôn	102	A
5	Kĩ thuật xây dựng công trình	105	A
6	Kĩ thuật cơ khí	106	A
7	Lâm học	301	A, B
8	Quản lí bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường	302	A, B
9	Khoa học môi trường	306	A, B
10	Công nghệ sinh học	307	A, B
11	Khuyến nông và Phát triển nông thôn	308	A, B
12	Lâm nghiệp xã hội	303	A, B
13	Lâm nghiệp đô thị	304	A, B
14	Nông lâm kết hợp	305	A, B
15	Lâm nghiệp	310	A, B

Cấp I. Trình độ giáo dục, đào tạo; Cấp II. Lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Cấp III. Nhóm chương trình, nhóm ngành, nhóm nghề giáo dục đào tạo.

Trong đó: Cấp I. Đại học mã 52. Cấp II. Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản mã 5262. Cấp III: Lâm nghiệp mã 526202 gồm các ngành sau: Kĩ thuật lâm sinh; Di truyền và chọn giống cây lâm

nghiệp; Điều tra và quy hoạch rừng; Đất lâm nghiệp; Quản lí bảo vệ tài nguyên rừng; Chế biến lâm sản;...

Theo dự thảo kèm theo công văn số 6438/BGDĐT-GDDH ngày 31/7/ 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì 52602 - Lâm nghiệp gồm 6 ngành: 52620201 - Lâm nghiệp;

52620202 - Lâm nghiệp đô thị; 52620203 - Lâm nghiệp xã hội; 52620204 - Hoa viên; 52620205 - Lâm sinh; 52620210 - Nông lâm nghiệp

Ngoài ra, theo dự thảo, mã 525403 gồm 2 ngành: 52540301 - Công nghệ chế biến lâm sản; 52540303 - Công nghệ chế biến gỗ.

Như vậy, ngành đào tạo KSLN hiện nay có 15 ngành, nhưng trong dự thảo của Bộ GD và ĐT chỉ có 8 ngành, nhưng tên gọi của các ngành này cũng rất khác nhau, vì vậy các cơ sở đào tạo KSLN cần xem xét, đề xuất, điều chỉnh danh mục đào tạo này nhằm đáp ứng nhu cầu của Chiến lược phát triển Ngành Lâm nghiệp đến 2020 và những năm tiếp theo.

3. Đề xuất mục tiêu, nguyên tắc, phát triển KSLN ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế

Trong bối cảnh đất nước chủ động, tích cực hội nhập quốc tế và là thành viên của WTO, trước xu thế toàn cầu hóa, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, mọi lĩnh vực trong đó có giáo dục cũng phải vận động và phải chịu nhiều tác động từ hội nhập, từ cơ chế thị trường và từ quá trình xã hội hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng sâu rộng.

Trong buổi đối thoại trực tuyến "Giáo dục Đào tạo Việt Nam trước thềm năm học mới", Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GD-ĐT Nguyễn Thiện Nhân đã bày tỏ: "Điều trăn trở của tôi lúc này là yêu cầu hội nhập quốc tế rất quyết liệt, nếu ngành giáo dục không có phương pháp vừa đột phá, vừa phát triển theo chiến lược đồng bộ thì chúng ta có thể làm lỡ cơ hội phát triển của đất nước." Như vậy, hội nhập quốc tế là tất yếu, giáo dục đại học nói chung, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học nói riêng là vô cùng quan trọng, trong đó có đào tạo kĩ sư lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành Lâm nghiệp trong tiến trình hội nhập quốc tế.

Xuất phát từ yêu cầu nhân lực của Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp đến năm 2020 và thực trạng cơ sở, ngành đào tạo KSLN hiện nay, chúng tôi đề xuất mục tiêu, nguyên tắc phát triển nhân lực KSLN Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế như sau:

3.1. Mục tiêu phát triển kĩ sư lâm nghiệp

Cơ cấu, ngành nghề lao động trong ngành

lâm nghiệp nước ta đang thay đổi, đòi hỏi các cơ sở đào tạo nhân lực lâm nghiệp phải thay đổi để đáp ứng đầy đủ và kịp thời, cơ cấu phù hợp nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực lâm nghiệp trình độ đại học cho các doanh nghiệp, tổ chức lâm nghiệp. Nhu cầu KSLN thể hiện trên cả ba mặt: quy mô, cơ cấu và chất lượng, vì vậy mục tiêu phát triển nguồn nhân lực này phải đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động lâm nghiệp về cả ba mặt đó trong từng giai đoạn phát triển. Cụ thể:

- *Về qui mô:* Tăng nhanh lực lượng KSLN phù hợp với từng ngành, nghề cụ thể của từng lĩnh vực lâm nghiệp như: qui hoạch, phát triển lâm nghiệp; kĩ thuật lâm sinh; kĩ thuật tạo giống; kĩ thuật môi trường rừng; quản lí, bảo vệ rừng; lâm nghiệp xã hội; nông lâm kết hợp; phát triển nông thôn, miền núi; khai thác, chế biến lâm sản...

- *Về cơ cấu ngành nghề:* Hướng tới đạt tỉ lệ phù hợp giữa KSLN với kĩ thuật viên/ công nhân kĩ thuật/ nhân viên lâm nghiệp có tỉ lệ các loại nghề chuyên môn và có tỉ lệ độ tuổi cũng như giới tính phù hợp với điều kiện làm việc của từng nhóm ngành, nghề trong ngành lâm nghiệp. Đặc biệt, cần xem xét, trình Bộ GD và ĐT ban hành trong năm 2010 các ngành đào tạo KSLN cần thiết, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực trong ngành Lâm nghiệp Việt Nam;

- *Về chất lượng:*

+ KSLN phải có kiến thức, kĩ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết, phù hợp. Kiến thức phải được cập nhật, kĩ năng phải được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên và nâng cao trong thực tiễn; tác phong công nghiệp, đạo đức nghề nghiệp cần được liên tục khuyến khích, rèn dũa, phát triển gắn với từng lĩnh vực lâm nghiệp.

+ Từ năm 2009 cần xem xét, điều chỉnh, bổ sung lại mục tiêu, nội dung các chương trình khung, chương trình đào tạo KSLN theo hướng chuyển đổi từ phương thức đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đào tạo theo năng lực thực hiện. Thời gian đào tạo chuẩn có thể rút ngắn xuống còn 3 - 4 năm, liên thông với hệ thống GDNV và sau đại học.

3.2. Nguyên tắc phát triển đào tạo kĩ sư lâm nghiệp



Việc phát triển đào tạo KSLN cần tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

* Xuất phát từ nhu cầu thị trường lao động lâm nghiệp và cung ứng thông qua thị trường lao động:

Việc cung ứng nguồn nhân lực lâm nghiệp cần được vận hành theo cơ chế của thị trường lao động, bao gồm cơ chế tiền lương, cơ chế cung cầu và cơ chế cạnh tranh.

Để có nguồn KSLN sẵn sàng cung ứng thị trường lao động lâm nghiệp cần phải phát triển các loại hình, dịch vụ đào tạo trong và ngoài các cơ sở đào tạo kĩ sư lâm nghiệp. Như vậy, đây chuyển sử dụng - cung ứng - đào tạo phải vận hành cân đối và nhịp nhàng thì mới đạt hiệu quả cao, tạo điều kiện phát triển ngành lâm nghiệp mà không gây bất ổn xã hội (thất nghiệp). Thị trường lao động cũng như thị trường lao động lâm nghiệp là thị trường mở ra cả nước, quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá, và đòi hỏi phải nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh, gắn với nông thôn, miền núi, có cơ chế khuyến khích thu hút đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển ngành Lâm nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

* Đảm bảo công bằng XH trong từng giai đoạn phát triển của Ngành lâm nghiệp:

Việc sử dụng và cung ứng nguồn KSLN nếu chỉ đơn thuần theo cơ chế thị trường, thì do điều kiện làm việc thường ở các vùng miền núi, xa xôi, ngành lâm nghiệp sẽ khó thu hút được nhân tài vào đào tạo và làm việc. Vì vậy, cần có sự can thiệp của Chính phủ để khắc phục các khó khăn đó của thị trường lao động lâm nghiệp, thông qua một loạt chính sách về tuyển dụng, đào tạo, tiền lương và về các loại bảo hiểm, kể cả thất nghiệp. Nước ta là nước đang phát triển, do đó càng cần chăm lo đảm bảo công bằng xã hội không chỉ về mặt chính sách mà quan trọng hơn, là về tổ chức thực hiện các chính sách đó, tức là phải xây dựng thể chế và năng lực thực thi thể chế nói chung và trong lĩnh vực lao động lâm nghiệp nói riêng.

* Xây dựng động lực làm việc cao cho kĩ sư lâm nghiệp

Nguồn nhân lực lâm nghiệp nói chung và KSLN nói riêng là nguồn nhân lực lao động quan trọng, trực tiếp trong các doanh nghiệp, tổ chức

lâm nghiệp của các thành phần kinh tế để làm ra sản phẩm, của cải cho xã hội, cho đất nước. Vì vậy, cần phải tạo cho nguồn nhân lực này động lực làm việc cao, có như vậy mới phát triển mạnh mẽ được ngành Lâm nghiệp Việt Nam. Động lực làm việc cao thể hiện trong lao động tự nguyện, có kỉ luật, chủ động và sáng tạo, không dao động trước các thách thức, khó khăn của Ngành Lâm nghiệp. Muốn tạo được động lực làm việc cao cho KSLN, cần có chính sách:

- Thù lao thỏa đáng, bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các chế độ bảo hiểm, đi đôi với việc đánh giá và khen thưởng kịp thời;

- Tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp thông qua đào tạo liên tục, đào tạo nâng cao, tuyển chọn công bằng;

- Tập hợp nguồn nhân lực vào các tổ chức nghề nghiệp như công đoàn, hội lâm nghiệp và các tổ chức quần chúng khác nhằm một mặt bảo vệ quyền lợi chính đáng, chăm lo nâng cao trình độ và đạo đức nghề nghiệp, mặt khác xây dựng ý thức tập thể, niềm tự hào nghề nghiệp và tình yêu Tổ quốc;

- Trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, kĩ sư trưởng, kĩ thuật viên lành nghề và công nhân kĩ thuật có tay nghề cao. Có chính sách thu hút các nhà khoa học, công nghệ lâm nghiệp giỏi ở trong nước và quốc tế.

3.3. Nguyên tắc đào tạo kĩ sư lâm nghiệp

Trong kinh tế thị trường, công tác đào tạo KSLN cần tuân thủ hai nguyên tắc quan trọng sau:

* Đào tạo phải sát hợp với nhu cầu của thị trường sử dụng nhân lực

Thực hiện được nguyên tắc đào tạo sát hợp nhu cầu không phải là điều dễ dàng. Vì, ai sẽ ước tính được nhu cầu đó? Ai sẽ phân bổ nhu cầu đó cho các cơ sở đào tạo?

Nhu cầu về KSLN bao gồm nhu cầu về số lượng, về lĩnh vực, ngành, vậy mỗi ngành, lĩnh vực lâm nghiệp tại mỗi thời điểm cần đào tạo bao nhiêu KSLN và yêu cầu chất lượng ra sao?

Trong điều kiện hiện nay, để có thể đáp ứng linh hoạt nhu cầu sử dụng lao động tương lai thì nội dung đào tạo KSLN phải cơ bản và đa năng hơn, với ngành nghề rộng hơn. Các phân ngành đào tạo hẹp như hiện nay nên được điều chỉnh trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm đào tạo của

các nước có thị trường phát triển. Mặt khác, các doanh nghiệp lâm nghiệp trước đây vốn theo chuyên ngành hẹp, ngày nay cũng đang chuyển sang đa năng, linh hoạt hơn, vì vậy càng cần đến loại kĩ sư lâm nghiệp chuyên ngành thích hợp hơn.

Các dự báo về nguồn nhân lực của các cơ quan quản lí Nhà nước dù sao cũng chỉ giúp điều tiết vĩ mô công tác đào tạo. Đào tạo KSLN sát hợp nhất với thị trường là đào tạo theo đặt hàng của người sử dụng lao động. Chính vì vậy, muốn thực hiện nguyên tắc đào tạo sát hợp thị trường thì công tác đào tạo KSLN phải được xã hội hóa để cơ sở đào tạo có điều kiện và có động lực nắm bắt kịp thời các nhu cầu đào tạo đa dạng và thường xuyên biến động của thị trường.

* Xã hội hoá đào tạo kĩ sư lâm nghiệp

Luật Giáo dục 2005 (Điều 12) của nước ta đã tạo khuôn khổ pháp lí cho việc xã hội hóa đào tạo nguồn nhân lực. Tuy vậy, các cơ sở đào tạo KSLN vẫn còn dè dặt và gặp những khó khăn nhất định trong định hướng này. Vì các hoạt động đào tạo cũng như các hoạt động khác đều phải tuân theo pháp luật dù là với mục đích nhất định, nên chưa có chế tài bắt buộc các doanh nghiệp lâm nghiệp phải chi trả các chi phí đào tạo cho cơ sở đào tạo khi họ sử dụng lao động đã qua đào tạo. Mặt khác, hoạt động thị trường là phải có lợi nhuận, đối với thị trường dịch vụ đào tạo cũng vậy, tuy rằng có lúc lợi nhuận không xuất hiện ngay và rõ ràng. Hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp lâm nghiệp còn khó khăn nên chưa chú trọng đến đào tạo, bồi dưỡng KSLN và phần lớn lợi nhuận không tính chi trả cho đào tạo bồi dưỡng. Vì vậy, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ, điều tiết xã hội hoá trong đào tạo gắn với sử dụng, việc làm cho các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp lâm nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp lâm nghiệp phối hợp với các cơ sở đào tạo kĩ sư lâm nghiệp để đào tạo có chất lượng nguồn nhân lực đang sử dụng cho doanh nghiệp và xã hội.

Ngành Lâm nghiệp và một bộ phận quan trọng của hệ thống kinh tế - xã hội của đất nước. Đào tạo, phát triển KSLN là nhân tố quyết định phát triển ngành Lâm nghiệp Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế. Để phát triển được nguồn

nhân lực này thì cần đến sự phối hợp và phân công chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, các cơ sở đào tạo và các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong và ngoài ngành Lâm nghiệp. Có như vậy các nỗ lực phát triển nguồn nhân lực lâm nghiệp trình độ đại học mới đúng hướng và đạt hiệu quả cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2005.
2. Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam. *Luật Giáo dục*. NXB Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2005.
3. *Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội, 2007.
4. Bộ GD&ĐT. *Báo cáo Hội thảo quốc gia "Đào tạo theo nhu cầu xã hội"*. TP Hồ Chí Minh, tháng 2/2007.
5. Phan Văn Kha. *Phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN*. Tạp chí khoa học giáo dục, số 14, 2007.
6. Chu Miên. *Chủ động hợp tác, hội nhập về giáo dục và đào tạo*. Báo VOV News, 14/5/2009.
7. Phạm Đỗ Nhật Tiến. *Việt Nam trước yêu cầu hội nhập quốc tế: Một chiến lược, hai kịch bản*. Tạp chí Tia Sáng 19/8/2009.
8. Nguyễn Đức Trí. *Một số vấn đề về điều chỉnh cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế*. Tạp chí Giáo dục số kì 1 tháng 9/2008.
9. Nguyễn Xuân Bảo. *Giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: Thực trạng và một số đề xuất điều chỉnh*. Tạp chí khoa học giáo dục, số 42, 2009

SUMMARY

Forestry is an important part of the socioeconomic system. Training of forestry engineers is the decisive factor for the development of this sector in the globalization. This article discusses the status of basis, professions in forestry engineering training and suggests some innovation for forestry engineers training in the new era.